TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 319/2024/DS-PT
Ngày 21/10/2024
Về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường, ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế diễn ra phiên tòa theo hình thức trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/TBTL-TA ngày 09/7/2024 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"* do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1945/2024/QĐ-PT ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Trương Hữu H (chết năm 2020); *người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H gồm* bà Nguyễn Thị G (vợ ông H) và các con Trương Thị Thanh T, Trương Hữu P, Trương Hữu L, Trương Hữu Cát T1 và Trương Hữu H1; cùng địa chỉ cư trú: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà Nguyễn Thị G và anh Trương Hữu H1 có mặt.

2. Ông Trương Hữu M, sinh năm 1955; địa chỉ: 0 L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Bà Trương Thị H2, sinh năm 1952; địa chỉ: A Adrian St . Apt#a G.CA.92840, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, các con bà G và bà H2 là ông Nguyễn Hoài N; địa chỉ: G P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: ông Trương Hữu K, sinh năm 1950 (chết năm 2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K gồm:

1. Bà Dương Thị Minh T2 (vợ ông K), chị Trương Thị Phương K1 và anh Trương Hữu Quốc H3; cùng địa chỉ: 6 Kiệt B C, phường P, thành phố H, tỉnh

Thừa Thiên Huế. *Người đại diện theo ủy quyền là* ông Trần Văn T3, sinh năm 1956; địa chỉ: 7 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Chị Trương Thị Ý N1; địa chỉ: B Lô B, T, T, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền là* ông Hoàng Trọng Quốc T4, sinh năm 1987; địa chỉ: A L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị V, sinh năm 1957; địa chỉ: C L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bà Trương Thị V1, sinh năm 1957; địa chỉ: A B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Ông Trương Hữu T5, sinh năm 1965; địa chỉ: C Lô K, Khu T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4. Bà Dương Thị Minh T2, sinh năm 1954; địa chỉ: 6 Kiệt B C, phường G, thành phố H. *Người đại diện theo ủy quyền của bà T2 là* bà Hoàng Thị Thanh T6 (sinh năm 1997; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) có mặt.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh T; địa chỉ: A L, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 59/GUQ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch* UBND tỉnh T *là* ông Huỳnh Minh K2 - Phó Giám đốc Sở X, có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ E, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1967;

8. Chị Nguyễn Thị Hương L2, sinh năm 1991;

9. Chị Nguyễn Thị Ánh H5, sinh năm 1995;

10. Anh Nguyễn Hữu Hoàng L3, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Trương Thị T7, sinh năm 1948; không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 09/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:* Nguồn gốc nhà và đất thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 239m^2 đất tại 6 Kiệt B C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do vợ chồng cụ Trương Hữu H6 (Trương Hửu H7) và cụ Hồ Thị Q tạo lập trước ngày giải phóng. Vì cụ H7 là Trung úy cảnh sát thuộc chính quyền Mỹ, Ngụy nên ngày 22/02/1983, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 150/QĐ-UB *"V/v xử lý nhà, đất đối tượng IV/2-QĐ 111/CP"* trưng thu nhà và đất nêu trên (địa chỉ cũ là nhà đất tại số I đường C), nhưng Nhà nước không giao Quyết định cho cụ H7 và trên thực tế Nhà nước không quản lý nhà đất mà vẫn giao cho gia đình cụ H7 quản lý, sử dụng nhà đất liên tục đến nay.

Quá trình quản lý, sử dụng nhà đất, năm 1984 ông Trương Hữu H (con trai trưởng cụ H6) đứng tên kê khai trên Sổ đăng ký và bản đồ 299 hiện lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường P. Năm 1996, Đoàn đo bản đồ địa chính 202 tiến hành đo đạc thực địa bản đồ thì ông Trương Hữu K (cũng là con cụ H7, hiện đang quản lý di sản) đứng tên kê khai và có tên trên bản đồ 202, thửa đất số 50, diện tích 238,7m^2. Năm 1998, ông Trương Hữu H và ông Trương Hữu K đứng ra kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không được chấp nhận vì di sản của vợ chồng cụ H6 chưa được các con của vợ chồng cụ H6 thống nhất chia thừa kế.

Năm 1991, cụ H6 chết không để lại di chúc. Năm 2003 cụ Hồ Thị Q chết không để lại di chúc; cùng năm đó, các con cụ H6 thống nhất góp tiền xây dựng lại nhà chính làm nhà thờ và hỗ trợ cho ông K xây dựng 01 nhà phụ để gia đình ông K sinh sống, trông coi hương khói nhà thờ. Năm 2005, ông K tự kê khai gian dối để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 925045 ngày 04/8/2006 và sau đó, ông K ngăn cản không cho anh em vào cúng giỗ nên nảy sinh mâu thuẫn. Năm 2017, các anh chị em khiếu nại thì UBND thành phố H ban hành các văn bản thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K vì thời điểm cấp Giấy chứng nhận nhà đất là tài sản của vợ chồng cụ H6, cụ Q đã có Quyết định trưng thu của UBND tỉnh B, không có căn cứ chứng minh ông K đã mua lại nhà đất từ bà Trương Thị T7 như ông K trình bày.

Nay các nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cha mẹ theo pháp luật, Nguyên đơn có nguyện vọng nhận phần đất có nhà thờ để làm nơi thờ tự và bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/3/1983 của UBND tỉnh B (cũ) nay là tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Bị đơn ông Trương Hữu K và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K trình bày:*

Nguồn gốc nhà và đất thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích đất 239m^2 địa chỉ 6 Kiệt B C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế không phải là di sản thừa kế của cụ Trương Hữu H6 để lại mà do cụ H6 thuê đất của người khác làm nhà ở (có khế ước thuê đất hàng năm). Năm 1975, cụ H6 đi học tập cải tạo xa, năm 1984, ông Trương Hữu K chuyển về ở và xây dựng gia đình, trong khi các anh chị em khác đều đã chuyển đến nơi ở mới. Năm 1983, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 150/QĐ ngày 22/02/1983 trưng thu toàn bộ khu đất với lí do thuộc diện V5 theo Quyết định 111/QĐ-HĐBT năm 1978 của Hội đồng Bộ trưởng. UBND thành phố H cùng Sở Xây dựng, UBND phường P thành lập Hội đồng đến khu đất để thống kê, kiểm đếm hiện trạng và lập biên bản nội dung: Tạm giao cho cụ Trương Hữu H6 sử dụng, bảo quản, không được mua bán, chuyển nhượng đất. Đến năm 1985 cụ H6 về quê sinh sống, vợ chồng ông Trương Hữu K bà Dương Thị Minh T2 trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất đến nay. Quá trình sử dụng do nhà đất xuống cấp, hư hỏng nên vợ chồng ông K, bà T2 tôn tạo, nâng cao nền và xây dựng nhà bê tông cốt thép kiên cố như hiện trạng, lúc thi công bị UBND phường P ra quyết định xử phạt hành chính vì xây dựng không phép. Năm 2006, vợ chồng ông K được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất, sau đó, vợ chồng ông K tiếp tục cơi nới, mở rộng nhà đã xây dựng trước đó. Do nguyên đơn khiếu nại nên UBND thành phố đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho vợ chồng ông K với lí do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Ông K khiếu nại Quyết định của UBND thành phố H thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho vợ chồng ông K, quá trình UBND giải quyết, phát hiện nhà đất bị trưng thu theo Quyết định số 150/QĐ ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh T nên nay ông K cho rằng đất tranh chấp thuộc sở hữu Nhà nước, không phải của cụ H6 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trương Thị V, bà Trương Thị V1, ông Trương Hữu T5, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị Bích L1, chị Nguyễn Thị Hương L2, chị Nguyễn Thị Ánh H5 và anh Nguyễn Hữu Hoàng L3)* thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, đề nghị nhận hiện vật và đóng góp vào chung với nguyên đơn để làm nơi thờ tự.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T7* không rõ địa chỉ nên Toà án không thu thập được lời khai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường P trình bày:*

Bản đồ 299 đo vẽ 1984-1986 là thửa đất số 1259 diện tích 264m^2 do ông Trương Hữu H kê khai đăng ký. Bản đồ 202 đo vẽ năm 1996,1997 và bản đồ Gis đo vẽ năm 2007-2009 là thửa đất số 50, tờ bản đồ 19, diện tích 238,7m^2 do ông Trương Hữu K kê khai đăng ký.

Hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 1998 do ông K tự kê khai rằng đây là đất con thừa kế của cha mẹ và tại Sổ danh sách các hộ gia đình cá nhân chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận do UBND phường P lập ngày 28/12/1998 thì ông K kê khai thửa đất chưa làm thủ tục thừa kế. Năm 2017, UBND phường P có nhận được đơn của ông Trương Hữu M khiếu nại việc ông K tự ý kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên sau đó Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Thông báo số 3761/UBND-KNTC ngày 04/10/2017 thông báo Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trương Hữu K, bà Dương Thị Minh T2 là không đúng quy định của pháp luật vì chưa làm thủ tục thừa kế, đồng thời ngày 04/10/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6227/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K, bà T2 năm 2006.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H trình bày*:

Nguồn gốc nhà và đất tại 6/12 kiệt B C đã bị Quyết định số 150-QĐ-UB ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh B (cũ) xử lý dưới hình thức trưng thu theo Chính sách quản lý và cải tạo Xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất ở đô thị ở các tỉnh phía Nam, căn cứ để ban hành Quyết định số 150-QĐUB là Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 và Quyết định số 350/CQ ngày 17/11/1977 của Hội đồng Chính phủ. Ngày 14/12/1983, Đoàn thẩm tra nhà đất lập biên bản kiểm tra thực tế hiện trạng nhà, giao nhà đất cho cụ H6 sử dụng và bảo quản, không được bán, chuyển nhượng các bất động sản đã kê ở trên.

Ngày 04/8/2006, UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà T2; tuy nhiên do Giấy chứng nhận cấp không đúng quy định nên UBND thành phố đã ban hành Công văn số 2751/UBND-ĐC ngày 02/8/2018, Thông báo số 228/TB-UBND ngày 03/8/208 về việc Giấy chứng nhận cấp không đúng quy định của pháp luật và Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 về thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp vì cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày*: Nhà đất các đương sự tranh chấp thì từ khi có Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh B thì nhà đất này không có văn bản nào khác xử lý hoặc tiếp tục bố trí, sử dụng nhà đất tranh chấp; việc nguyên đơn đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh B thì từ trước đến nay chưa có tiền lệ, Quyết định quản lý nhà đất do Nhà nước ban hành theo chính sách quản lý, cải tạo nhà đất trước năm 1991 phát sinh hiệu lực hoặc mặc nhiên hết hiệu lực tùy theo thực tế quá trình quản lý, bố trí sử dụng nhà đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 05/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự *"Yêu cầu chia thừa kế"* giữa các đồng nguyên đơn ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M và bà Trương Thị H2 với bị đơn ông Trương Hữu K với lý do nhà đất tại địa chỉ số F kiệt B C, phường P, thành phố H bị Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 22/02/1983 trưng thu của cụ Trương Hữu H6 nguyên là Trung úy cảnh sát thuộc chính quyền Mỹ, Ngụy; mặc dù năm 2006 vợ chồng ông K tự ý kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Giấy chứng nhận đã bị thu hồi, đến nay các đồng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà đất này là di sản thừa kế của cha mẹ là cụ Trương Hữu H6 và cụ Hồ Thị Q để lại.

Các đồng nguyên đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ nêu trên.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 157/2019/QĐ-PT ngày 16/9/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 05/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật với nhận định *"Nhà đất tại đại chỉ số 6/12 kiệt B C, phường P, thành phố H đã bị Nhà nước trưng thu theo quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh B. Nhà đất này đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/8/2006 cho ông K, bà T2 nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi tại Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND thành phố H nên hiện nay các đương sự không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 là đúng. Tuy nhiên, thực tế nhà đất này không bị nhà nước trực tiếp quản lý; chủ sở hữu nhà đất tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý và sau khi chủ sở hữu chết thì các con là người thừa kế hợp pháp vẫn trực tiếp quản lý sử dụng, do đó, căn cứ Điều 5 Nghị quyết số*

755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì họ đương nhiên được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (trong đó có quyền yêu cầu chia thừa kế)"

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 02/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ các Điều 05, 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37; 39, 469, 470, 474, 475, 477, 476, 478 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 636, 638, 639, 648, 677, 678, 679, 738 Bộ luật dân sự 1995; Các Điều 635, 674, 733, 676, 645, 633, 675 Bộ luật dân sự 2005; Luật đất đai 1993 và 2003; Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2000; Pháp lệnh về thừa kế năm 1990; Bộ luật Dân sự năm 1995; Nghị quyết số 755/2005/QH11 ngày 02/04/2005 của UBTVQH về quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Q1;

Tuyên xử:

1. Tuyên Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/2/1983 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về xử lý nhà đất thuộc đối tượng IV/2-QĐ 111CP đối với nhà đất của ông Trương Hữu H6 tại số I C (số mới là 6/12 kiệt 281 C), phường P, thành phố H đã hết hiệu lực pháp luật theo quy định tại Nghị quyết 755/2005/QH11 ngày 2/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được đăng công báo ngày 22/4/2005.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với đất của ông Trương Hữu H6, bà Hồ Thị Q để lại tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 19, diện tích hiện trạng là 230,7m^2 tọa lạc tại 6/12 kiệt B C, phường G (P cũ), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Xác định thời điểm mở thừa kế theo pháp luật của ông Trương Hữu H6 kể từ ngày ông Trương Hữu H6 chết ngày 10/5/1991.

Quyền sử dụng đất là di sản của ông H6 230,7m^2:2= 115,35m^2 (tương ứng với giá trị là 2.768.400.000 đồng : 2 = 1.384.200.000 đồng). Xác định hàng thừa kế của ông Trương Hữu H6 là 10 người, gồm: bà Q, 09 người con là bà Trương Thị G1; ông Trương Hữu T8; ông Trương Hữu H; Trương Hữu M; Trương Thị H2; Trương Hữu K; Trương Thị V; Trương Thị V1; Trương Thị T7. Mỗi kỷ phần được hưởng thừa kế do ông H6 chết để lại về quyền sử dụng đất 115,35m^2:10 = 11,53m^2 (giá trị 138.360.000 đồng)

- Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Hồ Thị Q chết năm 2003:

+ Xác định di sản thừa kế của bà Hồ Thị Q chết để lại về QSD đất: 115,35 m^2 + 11, 53m^2 = 126,88 m^2; giá trị: 1.522.560.000đ. Xác định hàng thừa kế của bà Hồ Thị Q là 7 người, gồm: ông Trương Hữu H; Trương Hữu M; Trương Thị H2; Trương Hữu K; Trương Thị V; Trương Thị V1; Trương Thị T7. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng: Về quyền sử dụng đất: 126,88 m^2 : 7 người = 18,12m^2 giá trị 217.440.000 đồng.

Như vậy: Phần di sản ông H6 bà Q được chia, mỗi kỷ phần được hưởng như sau:

- Bà Trương Thị G1; ông Trương Hữu T8 mỗi người được hưởng về QSD đất 11,53m^2 giá trị: 138.360.000 đồng.

- Ông Trương Hữu H; Trương Hữu M; Trương Thị H2; Trương Hữu K; Trương Thị V; Trương Thị V1; Trương Thị T7 được hưởng mỗi người: về QSD đất là 29,65 m^2 giá trị là 355.800.000 đồng.

** Về chia di sản bằng hiện vật và thanh toán giá trị:*

Công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn là ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị V, Trương Thị V1; Những người thừa kế thế vị con bà G1, ông Trương Hữu T8 được nhận Quyền sử dụng đất và quyền sỡ hữu nhà ở số A, diện tích xây dựng ***86,2m^2 giá trị 1.034.400.000đồng*** *(Một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) làm nơi thờ tự chung, giao ông Trương Hữu M đại diện nhận (có bản vẽ kèm theo).*

Bị đơn ông Trương Hữu K (người thừa kế Dương Thị Minh T2, bà Trương Thị Ý N1, ông Trương Hữu Quốc H3, bà Trương Thị Phương K1) hưởng phần thừa kế còn lại, bao gồm cả phần của bà Trương Thị T7 là: Quyền sử dụng đất và quyền sỡ hữu nhà ở số 2 có diện tích 230,7m^2 – 86,2m^2 = ***144,5m^2****(có bản vẽ kèm theo).*

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất theo quy định pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là các ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị V, Trương Thị V1; ông Trương Hữu T5; những người thừa kế thế vị của Bà Trương Thị G1 phải chịu mức án phí mỗi người là 7.389.000đồng.

Do các ông, bà Trương Thị H2, Trương Thị V, Trương Thị V1, Nguyễn Thị G, Trương Hữu M có đơn xin đề nghị miễn tiền án phí theo quy định pháp luật do trên 60 tuổi nên được chấp nhận.

Những người thừa kế của ông Trương Hữu H là Chị Trương Thị Thanh T; anh Trương Hữu P; anh Trương Hữu L; anh Trương Hữu Cát T1; anh Trương Hữu H1 phải chịu án phí mỗi người là: 7.389.000đồng : 6 người = 1.231.000 đồng.

Những người thừa kế của bà Trương Thị G1 bao gồm phần của bà Nguyễn Thị Thanh H4 và ông Nguyễn Hữu H8 phải chịu mỗi phần 3.694.000đồng. Vợ con của ông H8 (là Nguyễn Thị Bích L1; Nguyễn Thị Hương L2; Nguyễn Thị Ánh H5; Nguyễn Hữu Hoàng L3) phải chịu mỗi người: 924.000đồng

Về phía bị đơn: Người thừa kế của ông Trương Hữu K phải chịu án phí là 64.020.000đồng. Như vậy, bà Dương Thị Minh T2; bà Trương Thị Ý N1, ông Trương Hữu Quốc H3, bà Trương Thị Phương K1 phải chịu mỗi người 16.005.000đồng.

3. Lệ phí định giá, đo đạc, thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 12/10/2023 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm bà Dương Thị Minh T2, chị Trương Thị Phương K1, chị Trương Thị Ý N1 và anh Trương Hữu Quốc H3 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do TAND tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử ngày 28/9/2023, tuyên án ngày 02/10/2023.

+ Ngày 25/11/2023 nguyên đơn (ông Trương Hữu M và bà Trương Thị H2), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị G, anh Trương Hữu H1, anh Trương Hữu P, anh Trương Hữu L và anh Trương Hữu Cát T1), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trương Thị V, bà Trương Thị V1, ông Trương Hữu T5, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị Bích L1 và ông Nguyễn Hữu Hoàng L3 kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia chung cho các Ông Bà ngôi nhà diện tích 86,2m^2 mà không giao đất xung quanh nên không có đường đi vào nhà, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn được nhận phần đất có ngôi nhà thờ tự gắn liền diện tích đất 128,1m^2 có vị trí kích thước cạnh mô tả phần đất số (I) ở Họa đồ phân thửa (bút lục 302).

+ Ngày 15/12/2023 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

*** Tại Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA ngày 24/11/2023**, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa chữa phần quyết định của bản án cụ thể:

Phần quyết định của bản án đã tuyên:

Công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn là ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị V, Trương Thị V1; Những người thừa kế thế vị con bà G1, ông Trương Hữu T8 được nhận ***Quyền sử dụng đất và quyền sỡ hữu nhà ở số A, diện tích xây dựng 86,2m^2 giá trị 1.034.400.000đồng*** *(Một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) làm nơi thờ tự chung, giao ông Trương Hữu M đại diện nhận (có bản vẽ kèm theo). Bị đơn ông Trương Hữu K (người*

thừa kế Dương Thị Minh T2, bà Trương Thị Ý N1, ông Trương Hữu Quốc H3, bà Trương Thị Phương K1) hưởng phần thừa kế còn lại, bao gồm cả phần của bà Trương Thị T7 là: Quyền sử dụng đất và quyền sỡ hữu nhà ở số 2 có diện tích 230,7m^2 – 86,2m^2 = ***144,5m^2*** *(có bản vẽ kèm theo).*

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"Công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn là ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị V, Trương Thị V1; Những người thừa kế thế vị con bà G1, ông Trương Hữu T8 được nhận ***Quyền sử dụng đất 128,1m^2 và quyền sở hữu nhà ở số 1, diện tích xây dựng 86,2m^2 giá trị 1.537.200đồng*** *(Một tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) làm nơi thờ tự chung, giao ông Trương Hữu M đại diện nhận (có bản vẽ kèm theo). Bị đơn ông Trương Hữu K (người thừa kế Dương Thị Minh T2, bà Trương Thị Ý N1, ông Trương Hữu Quốc H3, bà Trương Thị Phương K1) hưởng phần thừa kế còn lại, bao gồm cả phần của bà Trương Thị T7 là: Quyền sử dụng đất và quyền sỡ hữu nhà ở số 2 có diện tích 230,7m^2-128,1m^2=* ***102,6m^2****. Có bản vẽ kèm theo".*

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày sau khi Tòa án tuyên án vào ngày 02/10/2024 chia cho họ căn nhà diện tích 86,2m^2 không chia đất xung quanh nên không có lối đi ra đường giao thông, do đó ngày 25/11/2023 họ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chia cho họ căn nhà 86,2m^2 gắn liền diện tích đất 128,1m^2; tuy nhiên, sau đó, nhận được Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chia cho họ 128,1m^2 đất trên đất có căn nhà diện tích 86,2m^2 là đúng với yêu cầu kháng cáo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không vẽ lại sơ đồ chia đất nên không thể thi hành án, vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm vẽ lại sơ đồ chia đất theo nội dung Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn trình bày đến phiên tòa phúc thẩm mở ngày 19/9/2024 họ mới được biết ngày 24/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA nên họ xin hoãn phiên tòa để đến Tòa án photocopy Thông báo này vì TAND tỉnh Thừa Thiên Huế sửa chữa, bổ sung bản án, nhưng không gửi Thông báo cho họ, như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và giải quyết nội dung vụ án không đúng làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA ngày 24/11/2023 sửa chữa cơ bản quyết định của bản án sơ thẩm về diện tích đất, trị giá đất chia cho mỗi bên là vi phạm khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định chỉ được sửa chữa, bổ sung bản án trong trường hợp"phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai" và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không gửi Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án cho phía Bị đơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của phía Bị đơn, ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung bản án, nhưng không vẽ lại sơ đồ chia đất nên không thể thi hành án; vì các lý do trên, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc nhà và đất thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 239m^2 đất tại 6 Kiệt B C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do vợ chồng cụ Trương Hữu H6 (Trương Hửu H7) và cụ Hồ Thị Q tạo lập trước ngày giải phóng. Vì cụ H7 là trung úy Cảnh sát chính quyền Mỹ, Ngụy nên ngày 22/02/1983 Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 150/QĐ-UB *"V/v xử lý nhà, đất đối tượng IV/2-QĐ 111/CP"* trưng thu nhà đất trên (địa chỉ cũ số I đường C), nhưng trên thực tế Nhà nước không quản lý và ký hợp đồng cho thuê nhà đất thuộc sở hữu nhà nước sau khi trưng thu mà Nhà đất vẫn do gia đình cụ H6 quản lý, sử dụng và ngày 11/5/1985 Nhà nước còn lập *Biên bản kiểm kê giao nhà đất* cho *"Chủ nhà Trương Hửu H7 là người đang ở"* quản lý, sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 157/2019/QĐ-PT ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng [Quyết đinh phúc thẩm có hiệu lực pháp luật xác định căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các con của cụ Trương Hửu H7 được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với Nhà đất tại địa chỉ 6/12 kiệt 281 C, trong đó có quyền yêu cầu chia thừa kế] xác định nhà đất là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Trương Hữu H6 (Trương Hửu H7) và cụ Hồ Thị Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Quan điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh T cho rằng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 nhà đất tại 9 đường C tuy bị Nhà nước trưng thu, nhưng thực tế Nhà nước chưa quản lý, chưa bố trí sử dụng nhà đất đó thì người đang trực tiếp sử dụng nhà đất (gia đình ông Trương Trọng K3) được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quản lý, sử dụng nhà đất là nhận thức pháp luật không đúng vì người là chủ sở hữu nhà đất tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý là vợ chồng cụ

Trương Hửu H7 (không phải vợ chồng ông Trương Trọng K3) và ông Trương Trọng K3 không phải là người thừa kế duy nhất thừa kế hợp pháp toàn bộ nhà đất của vợ chồng cụ H7; hơn nữa sau khi ban hành Quyết định trưng thu nhà đất số 150/QĐ-UB ngày 22/02/1983 thì ngày 11/5/1985 Nhà nước còn lập Biên bản kiểm kê giao nhà đất cho *"Chủ nhà Trương Hửu H7 là người đang ở"* quản lý, sử dụng. Cụ H6 chết năm 1991, cụ Q chết năm 2003, ngày 09/3/2018 các con cụ H6, cụ Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện về thừa kế là đúng pháp luật.

[2] Lúc 14 giờ ngày 02/10/2023 Hội đồng xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST (quyết định của bản án đúng với nội dung biểu quyết 100% của Hội đồng xét xử tại Phòng nghị án lúc 08 giờ ngày 02/10/2023 – từ bút lục 458 đến 460): "…*Công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn là ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị V, Trương Thị V1; Những người thừa kế thế vị con bà G1, ông Trương Hữu T8 được nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 1, diện tích xây dựng 86,2m^2 giá trị 1.034.400.000đồng làm nơi thờ tự chung, giao ông Trương Hữu M đại diện nhận (có bản vẽ kèm theo). Bị đơn ông Trương Hữu K (người thừa kế Dương Thị Minh T2, bà Trương Thị Ý N1, ông Trương Hữu Quốc H3, bà Trương Thị Phương K1) hưởng phần thừa kế còn lại, bao gồm cả phần của bà Trương Thị T7 là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 2 có diện tích 230,7m^2 – 86,2m^2 = 144,5m^2 (có bản vẽ kèm theo)"*. Tại Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA ngày 24/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa chữa phần quyết định của bản án sơ thẩm như sau: *"Công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn là ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M, bà Trương Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị V, Trương Thị V1; Những người thừa kế thế vị con bà G1, ông Trương Hữu T8 được nhận quyền sử dụng đất 128,1m^2 và quyền sở hữu nhà ở số 1, diện tích xây dựng 86,2m^2 giá trị 1.537.200 đồng làm nơi thờ tự chung, giao ông Trương Hữu M đại diện nhận (có bản vẽ kèm theo). Bị đơn ông Trương Hữu K (người thừa kế Dương Thị Minh T2, bà Trương Thị Ý N1, ông Trương Hữu Quốc H3, bà Trương Thị Phương K1) hưởng phần thừa kế còn lại, bao gồm cả phần của bà Trương Thị T7 là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 2 có diện tích 230,7m^2 – 128,1m^2 = 102,6m^2 (có bản vẽ kèm theo)"*. Xét, Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa chữa cơ bản quyết định của bản án về diện tích đất, trị giá đất chia cho mỗi bên là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ được sửa chữa, bổ sung bản án trong trường hợp *"phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai"*, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không gửi Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án cho phía Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn và tuy sửa chữa cơ bản nội dung bản án về diện tích đất chia cho mỗi bên, nhưng không vẽ lại sơ đồ chia đất là không thể thi hành án.

[3] Bản vẽ hiện trạng nhà, đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H lập ngày 28/7/2022 (bút lục 301) cho thấy trên đất tranh chấp địa chỉ 6 Kiệt B C, thành phố H có 02 nhà ở riêng lẻ, *Nhà thứ nhất* diện tích xây dựng 86,2m^2, diện tích sử dụng 111,2m^2 và *Nhà thứ hai* diện tích xây dựng 39,6m^2, diện tích sử dụng 91,2m^2. Xét trình bày của phía Nguyên đơn cho rằng năm 2003 cụ Hồ Thị Q chết, cùng năm phía nguyên đơn góp tiền (chủ yếu là bà Trương Thị H2 định cư ở Hoa Kỳ) để xây dựng lại nhà chính làm nhà thờ và hỗ trợ gia đình ông K xây dựng 01 nhà phụ để gia đình ông K sinh sống, trông coi hương khói nhà thờ; tuy nhiên, tại Công văn số 8863/UBND-KNTC ngày 17/9/2024, UBND thành phố H cho biết hiện trạng nhà đất tại 6 Kiệt 281 Chi Lăng khác với hiện trạng nhà đất Nhà nước trưng thu năm 1983 và bàn giao lại cho cụ Trường H9 Hoàn năm 1985, hiện nay trên đất có *"ngôi nhà 3 gian + lửng được xây dựng vào **năm 1999** không có giấy phép xây dựng, chưa lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính... ngôi nhà 02 tầng xây dựng không có giấy phép, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 1916/QĐ-UB ngày 20/5/2003 về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Dương Thị Minh T2"*. Mặt khác, 2 ngôi nhà trên do Bị đơn thi công, phía Nguyên đơn cho rằng toàn bộ tiền xây dựng 2 ngôi nhà của phía Nguyên đơn góp đưa cho Bị đơn, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh, trong khi Bị đơn không thừa nhận, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ trình bày của phía Nguyên đơn để xác định ngôi nhà 3 gian + lửng diện tích 86,2m^2 được xây dựng bằng tiền do phía Nguyên đơn góp (chủ yếu là của bà H2 ở Hoa Kỳ gửi về) để giải quyết về ngôi nhà này là chưa đủ cơ sở.

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ viện dẫn và phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm không đúng quy định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; mặt khác việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và nếu giữ nguyên theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án thì cũng không thể thi hành án nên cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các đương sự đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

* Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 28/9 & 02/10/2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 5733/2023/TB-TA ngày

24/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về vụ án *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"* giữa nguyên đơn ông Trương Hữu H (chết năm 2020, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm…) với bị đơn ông Trương Hữu K (chết năm 2003, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm…) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

* Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả bà Dương Thị Minh T2 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000031 ngày 30/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả chị Trương Thị Ý N1 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000065 ngày 30/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả chị Trương Thị Phương K1 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000067 ngày 30/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả anh Trương Hữu P 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000071 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả anh Trương Hữu L 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000072 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả anh Trương Hữu Cát T1 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000073 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh H4 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000074 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị Bích L1 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000075 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả anh Nguyễn Hữu Hoàng L3 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000076 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoàn trả Ủy ban nhân dân tỉnh T 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000205 ngày 05/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (để thi hành);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

Đặng Kim Nhân